

# MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM VỀ HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP CỦA CHÍNH PHỦ

Trịnh Thị Huyền Thương\*, Đỗ Kim Chung\*\*

*Nghiên cứu này thảo luận bản chất, mô hình, cơ chế và nội dung chính sách hỗ trợ của chính phủ đối với sự phát triển của doanh nghiệp. Bài báo chỉ rõ sự khác biệt giữa hỗ trợ và bao cấp. Trên cơ sở phân tích kinh nghiệm của các nước, bài viết chỉ ra 8 bài học cho Việt Nam trong công tác hỗ trợ các doanh nghiệp phát triển.*

**Từ khoá:** Chính sách, hỗ trợ doanh nghiệp, phát triển

## 1. Đặt vấn đề

Các doanh nghiệp (DN), đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) đóng vai trò rất quan trọng trong cơ cấu tổng thể phát triển nền kinh tế. Với vị trí, vai trò và những lợi thế của chúng, nên các nước trên toàn thế giới đều có những bảo đảm đầu tư và những ưu đãi, kích thích sự phát triển của khu vực kinh tế này. Sự cần thiết phải hỗ trợ các DN xuất phát từ vai trò của các DN và những lợi ích to lớn do việc hỗ trợ đó mang lại cho chính các DN và cũng có lợi đối với nhà nước (mà trước hết là thực hiện các mục tiêu kinh tế vĩ mô) và toàn xã hội. Vì vậy, để phát triển doanh nghiệp theo định hướng chung của phát triển kinh tế, Việt Nam cần phải có chính sách hỗ trợ đối với các doanh nghiệp. Tuy nhiên, để ban hành, triển khai và tạo ra được tác động tích cực đối với doanh nghiệp và xã hội chúng ta phải nắm rõ bản chất, mô hình, cơ chế và nội dung của chính sách hỗ trợ, đồng thời nghiên cứu, tổng hợp thực tiễn hỗ trợ ở các nước trên thế giới để rút ra bài học kinh nghiệm cho hoạch định chính sách hỗ trợ ở Việt Nam.

## 2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp tiếp cận cơ bản để phân tích và trình bày trong bài viết này là phương pháp phân tích và tổng hợp lý thuyết. Phương pháp phân tích lý thuyết là phương pháp nghiên cứu các văn bản, tài liệu lý luận khác nhau về một chủ đề, bằng cách phân tích chúng thành từng bộ phận, từng mặt để hiểu chúng một cách toàn diện. Nó còn nhằm phát hiện ra những xu hướng, những trường phái nghiên cứu của từng tác giả, từ đó lựa chọn những thông tin quan trọng phục vụ cho nghiên cứu của mình.

Phương pháp tổng hợp lý thuyết là phương pháp liên kết, sắp xếp các tài liệu, thông tin lý thuyết đã thu thập được để tạo ra một hệ thống lý thuyết đầy đủ, sâu sắc về chủ đề nghiên cứu. Nguồn số liệu, tài liệu được dùng trong nghiên cứu này bao gồm những thông tin đã được công bố trên sách báo, tạp chí, trên các trang web của các tổ chức liên quan,...

## 3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

### 3.1. Một số vấn đề lý luận về chính sách hỗ trợ của chính phủ và sự phát triển của doanh nghiệp

#### 3.1.1. Chính sách hỗ trợ của chính phủ

Ngày nay mọi nhà nước khác nhau trên thế giới đều thực hiện những can thiệp hay tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến nền kinh tế thông qua hệ thống các chính sách kinh tế nhằm đạt được các mục tiêu quản lý kinh tế - xã hội đặt ra.

Theo Đỗ Kim Chung (2000), chính sách là tập hợp các chủ trương và hành động về phương diện nào đó của nền kinh tế xã hội do chính phủ thực hiện. Nó bao gồm mục tiêu mà chính phủ muốn đạt được và cách làm để đạt được các mục tiêu đó.

Nhà nước có thể tác động đến sự mất cân bằng, hay trì trệ của tổng cung, tổng cầu của nền kinh tế bằng cách khuyến khích sự gia tăng của cung, cầu hoặc cả của cung và cầu, hay hạn chế sự gia tăng quá nóng của nó (Lê Đăng Doanh, 2002). Thông thường, khi áp dụng các chính sách kinh tế vĩ mô nhằm khuyến khích sự gia tăng của tổng cung, hay tổng cầu hoặc cả hai, khi đó nhà nước phải thực hiện một hay nhiều các biện pháp như cắt, giảm thuế, tăng chi tiêu của chính phủ, giảm lãi suất, tăng chi số tiền lương... Điều này cũng đồng nghĩa với việc

các tổ chức kinh tế và cá nhân sẽ nhận được sự hỗ trợ trực tiếp hay gián tiếp nào đó thông qua việc nhà nước thực hiện khuyến khích phát triển kinh tế từ các chính sách kinh tế vĩ mô.

Từ những vấn đề lý luận chung về chính sách kinh tế, có thể hiểu chính sách hỗ trợ là tập hợp những chính sách kinh tế vĩ mô có tác dụng trực tiếp hay gián tiếp đến các thực thể kinh tế (tổ chức hoặc cá nhân) hướng hoạt động của họ đến các mục tiêu đã xác định, đồng thời phù hợp với lợi ích quốc gia.

Tuy nhiên, chúng ta cần có sự phân biệt giữa hỗ trợ với trợ cấp, hay giữa hỗ trợ với bảo hộ. Chính sách hỗ trợ của Nhà nước là sự giúp đỡ của Nhà nước thông qua các công cụ kinh tế vĩ mô đảm bảo cho các thực thể kinh tế, toàn bộ nền kinh tế nói chung phát triển tốt hơn theo mục tiêu kinh tế đã đặt ra. Trong đó, đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ của nhà nước không nhất thiết phải là đối tượng đang gặp khó khăn và phương tiện hỗ trợ không chỉ bằng vật chất. Chẳng hạn, nhà nước có thể đưa ra các trợ giúp cho mọi doanh nghiệp trong nền kinh tế về cung cấp thông tin, đàm phán mở cửa thị trường với nước ngoài, ... Còn chính sách trợ cấp là sự giúp đỡ của Nhà nước đối với đối tượng đang gặp khó khăn và trực tiếp bằng vật chất. Chẳng hạn, Nhà nước có chính sách trợ cấp cho người nghèo (bằng tiền, lương thực, thuốc men, ...), hay tại các nước phát triển, Nhà nước thực hiện chính sách trợ cấp cho lĩnh vực nông nghiệp để giảm bớt khó khăn cho người nông dân khi phải hạn chế sản xuất theo yêu cầu của Nhà nước, hoặc do Nhà nước phải mở cửa thị trường cho hàng nông sản nước ngoài (theo nguyên tắc có đi, có lại) làm giảm thu nhập của nông dân trong nước... Như vậy, chính sách hỗ trợ có phạm vi rộng hơn so với chính sách trợ cấp (Phạm Tất Định, 2000).

Chính sách bảo hộ như bảo hộ mậu dịch là chính sách nhằm ngăn cản sự nhập khẩu hàng hóa từ bên ngoài để phát triển các ngành kinh tế trong nước. Nếu như các biện pháp bảo hộ hướng sự điều chỉnh đến các đối tác, hàng hóa và dịch vụ nước ngoài nhằm giảm sức ép cạnh tranh lên các doanh nghiệp, hàng hóa và dịch vụ trong nước, thì các biện pháp hỗ trợ nhằm đảm bảo cho các doanh nghiệp cũng như hàng hóa dịch vụ trong nước nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước.

### 3.1.2. Bản chất của hỗ trợ chính phủ đến phát triển doanh nghiệp

Bản chất của can thiệp chính sách chính là chủ trương đầu tư công để can thiệp vào nền kinh tế - xã hội, thúc đẩy đầu tư tư nhân phát triển đúng hướng;

là việc dùng bàn tay hữu hình của Nhà nước điều tiết và khắc phục các khuyết tật của cơ chế thị trường; Tạo điều kiện cho phát triển bền vững nền kinh tế xã hội ở địa phương.

Ở các nước, cơ chế mô hình có một số điểm giống nhau, nhưng cũng có nhiều điểm rất khác nhau do điều kiện, mục tiêu, trình độ phát triển của các nước rất khác nhau (Phạm Tất Định, 2000).

*Về mục tiêu hỗ trợ:* chủ yếu nhằm tạo điều kiện cho các DN phát huy được vai trò, tiềm năng vốn có của chúng, sản xuất kinh doanh có hiệu quả, giải quyết các vấn đề kinh tế- xã hội mà nếu chỉ riêng các DN thì không thể giải quyết nổi.

*Nội dung hỗ trợ:* bao gồm các vấn đề thiết thực đối với DN để các DN tiến hành hoạt động kinh doanh thuận lợi, như:

- Có quan điểm, chiến lược, chính sách cởi mở để khuyến khích các DN phát triển;
- Hỗ trợ tạo lập môi trường kinh doanh: thông tin, cơ sở hạ tầng, thị trường, môi trường xã hội an toàn;
- Hỗ trợ các yếu tố đầu vào như vốn, công nghệ, lao động, quản lý;
- Hỗ trợ các yếu tố đầu ra liên quan tới tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ...

*Phương pháp hỗ trợ:* có thể bằng phương pháp trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua môi trường.

- Phương pháp hỗ trợ trực tiếp: đơn giản hóa thủ tục cấp giấy phép; cấp vốn trực tiếp, cung cấp mặt bằng sản xuất, kinh doanh; cung cấp thông tin; xây dựng cơ sở hạ tầng...

- Hỗ trợ gián tiếp: chủ yếu là hỗ trợ thông qua cơ chế, chính sách tác động vào môi trường kinh doanh để điều chỉnh hoạt động của DN: ổn định chính trị xã hội, tạo lập thị trường, khuyến khích thành lập các hội nghề nghiệp, các trung tâm hỗ trợ, đào tạo nguồn nhân lực, miễn, giảm thuế, hỗ trợ cho các DN mới thành lập được vay vốn, tạo điều kiện để các DN NVV hợp tác liên doanh với nước ngoài, bảo hộ sản xuất trong nước...

*Công cụ hỗ trợ:* thông qua các công cụ quản lý nhà nước như chiến lược, pháp luật, kế hoạch - quy hoạch, chính sách, bộ máy...

Để hỗ trợ các DN có kết quả tốt, nhất thiết phải có một hệ thống cơ chế và mô hình hỗ trợ đồng bộ từ mục tiêu, nội dung, phương pháp, công cụ hỗ trợ. Mô hình hỗ trợ (thành phần, liều lượng các yếu tố, cách thức tác động, trình tự tác động, ...) cũng phải phù hợp với từng thời kỳ trong từng trường hợp cụ thể. Trong thời kỳ đầu của sự phát triển thì chiến lược là yếu tố rất quan trọng, còn thời kỳ phát triển

ổn định thì chính sách lại là công cụ rất quan trọng.

Xét về lâu dài, chính sách có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc hỗ trợ cho các DN. Các chính sách tác động đến DN bao gồm: các chính sách kinh tế vĩ mô (tài chính- tiền tệ, đầu tư, công nghiệp- thương mại, việc làm- thu nhập), tác động tới toàn bộ nền kinh tế, trong đó có các DNNVV và các chính sách đặc thù hỗ trợ cho DNNVV như: Chính sách trợ giúp tài chính; Chính sách trợ giúp mặt bằng sản xuất; Chính sách trợ giúp đổi mới, nâng cao năng lực công nghệ, trình độ kỹ thuật; Chính sách trợ giúp xúc tiến mở rộng thị trường; Chính sách trợ giúp thông tin, tư vấn; Chính sách trợ giúp phát triển nguồn nhân lực;...

Hiện nay, cơ chế và mô hình hỗ trợ các DN ở nhiều nước theo các hướng như sau:

- Hỗ trợ theo cơ chế kinh doanh (có vay, có trả) hơn là cho không, vì việc bao cấp cho không thường gây ra tâm lý trông chờ, ỷ lại và đặc biệt là sử dụng nguồn lực kém hiệu quả. Chẳng hạn, áp dụng cho vay vốn lãi suất thấp hoặc trợ cấp lãi suất thay cho việc cấp vốn không lãi suất, hoặc cấp vốn không hoàn lại.

- Hỗ trợ gián tiếp nhiều hơn trực tiếp: nhằm tạo lập cho các DN, đặc biệt là DNNVV cách ứng xử theo cơ chế thị trường.

- Hỗ trợ công khai và rõ ràng, tránh độc đoán, sách nhiễu, hối lộ.

- Phân quyền cho chính quyền địa phương nhiều hơn là tập trung vào nhà nước trung ương; tăng cường các tổ chức phi Chính phủ (hội nghề nghiệp, các công ty tư vấn tư nhân)...

- Bao quát toàn bộ nền kinh tế hơn là chính sách theo thành phần, nhóm DN. Chỉ nên có một số chính sách riêng cho DNNVV, nhưng đặt trong tổng thể nền kinh tế quốc dân.

- Đề cao vai trò cộng đồng và chính sách đào tạo nguồn nhân lực.

### *3.1.3. Vai trò của hỗ trợ Chính phủ đối với sự phát triển doanh nghiệp*

Sự cần thiết phải hỗ trợ các DN xuất phát từ vai trò của các DN và những lợi ích to lớn do việc hỗ trợ đó mang lại cho chính các DN và cũng có lợi đối với nhà nước (mà trước hết là thực hiện các mục tiêu kinh tế vĩ mô) và toàn xã hội.

Lý do chính để hỗ trợ các DN trước hết là do vai trò to lớn của chúng trong nền kinh tế. Đó là: Thu hút nhiều lao động, tăng cơ hội việc làm với chi phí thấp; Tăng thu nhập dân cư, góp phần giảm khoảng cách giàu nghèo; Thu hút vốn nhân rỗi trong dân

vào sản xuất- kinh doanh; Gieo mầm cho các tài năng kinh doanh; Làm cho nền kinh tế năng động và hiệu quả hơn...

Các DNNVV thường quá yếu ớt trong nền kinh tế thị trường cạnh tranh khốc liệt với những hạn chế như: năng lực quản lý yếu, công nghệ lạc hậu, vốn ít... Do đó, để các DN phát huy được vai trò của mình, cần thiết phải có sự hỗ trợ của Nhà nước. Hơn nữa, có nhiều vấn đề mà các DN không thể tự giải quyết được như tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, xây dựng cơ sở hạ tầng, mở rộng thị trường, đào tạo nguồn nhân lực,... Ngoài ra còn nhiều vấn đề khác nếu được sự hỗ trợ của Nhà nước sẽ làm giảm bớt những khó khăn cho DN, tạo điều kiện cho DN đứng vững được trên thị trường và phát triển thuận lợi. Kinh nghiệm của nhiều nước cho thấy, để các DN đứng vững và vươn lên, Nhà nước cần có chính sách và các giải pháp hỗ trợ đặc lực cho các DN (Nguyễn Cúc và cộng sự, 1997).

Thực tế của nhiều nước cho thấy, sự hỗ trợ không chỉ có lợi đối với các DN mà có lợi cho cả Nhà nước và xã hội. Lợi ích đó thể hiện trên các mặt:

- Sự hỗ trợ các DN là cách thức để nuôi dưỡng các nguồn thu cho ngân sách Nhà nước.

- Hỗ trợ DN là một cách đầu tư gián tiếp của Nhà nước. Thay vì Nhà nước phải đầu tư trực tiếp để thành lập các doanh nghiệp nhà nước (DNNN) bằng việc hỗ trợ cho các DN đã có, đặc biệt là các DN ngoài quốc doanh.

- Thông qua chính sách hỗ trợ của Nhà nước, việc đầu tư phát triển sản xuất sẽ hiệu quả hơn vì vừa huy động được tiềm năng sáng tạo trong dân, vừa thực hiện tốt chức năng quản lý Nhà nước.

- Bằng việc hỗ trợ các DN, Nhà nước cũng có thể giải quyết các vấn đề xã hội như giảm thất nghiệp (bất cứ nước nào cũng đang phải đương đầu), tạo việc làm rất hiệu quả với nguồn vốn hạn hẹp của Nhà nước (thay vì thành lập mới các DNNN, thì với số vốn đó có thể hỗ trợ cho rất nhiều DN đã có sẵn).

Ngoài ra, Nhà nước có thể thông qua chính sách hỗ trợ để định hướng phát triển các DNNVV.

Theo Nguyễn Cúc và cộng sự (1997, tr.71), các chuyên gia đánh giá cao vai trò của việc hỗ trợ DNNVV, 100% số người được hỏi ý kiến đều cho rằng cần hỗ trợ DNNVV, trong đó có 64,4% ý kiến cho rằng rất cần hỗ trợ các DN này.

### *3.1.4. Mô hình và cơ chế hỗ trợ của Chính phủ đối với sự phát triển doanh nghiệp*

Ở Việt Nam, cơ chế và mô hình hỗ trợ được đổi mới cùng với việc đổi mới nền kinh tế, chuyển sang

kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường. So với trước đây, nhiều vấn đề về cơ chế hỗ trợ đã thay đổi căn bản. Bảng 1 trình bày một số khác biệt giữa cơ chế hỗ trợ trong mô hình kinh tế cũ và cơ chế hỗ trợ hiện nay.

Điểm khác biệt lớn trong cơ chế và mô hình hỗ trợ DN ở Việt Nam là có sự phân biệt giữa hai nhóm DN: hỗ trợ DNNN khác với hỗ trợ khu vực ngoài quốc doanh.

Từ Đại hội VI của Đảng (1986) đến nay, với việc xóa bỏ cơ chế cũ, hình thành nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng XHCN đã thúc đẩy các thành phần kinh tế phát triển mạnh, nhất là khu vực kinh tế tư nhân. Nhờ đó, đối tượng quản lý của Nhà nước đã thay đổi cơ bản. Do vậy, việc hỗ trợ các DN không chỉ có các DNNN mà cả các DN thuộc các thành phần kinh tế khác. Hơn nữa, trong chính sách kinh tế đã chú ý tới hiệu quả kinh tế, không quá chú trọng vào quy mô DN lớn như trước đây và việc phát triển các DNNVV là chiến lược kinh tế lâu dài trong sự đan xen với DN lớn. Nhiều văn kiện Đảng đã đề cập đến vấn đề này: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX và nghị quyết của các hội nghị trung ương Đảng. Văn kiện có ý nghĩa rất quan trọng đối với DNNVV khu vực ngoài quốc doanh đó là Nghị quyết 16 (1998) nêu rõ: “Nhà nước và xã hội ủng hộ và khuyến khích các DN ngoài quốc doanh hoạt động có hiệu quả và hợp pháp”.

Các quan điểm hỗ trợ các DN chủ yếu là làm cho các DNNVV phát triển ngày càng tiên tiến, hiện đại và kinh doanh có hiệu quả. Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ 7 khóa VII với chủ trương: “Phát triển các loại hình DN quy mô vừa và nhỏ với công nghệ tiên tiến, vốn đầu tư ít, suất sinh lời cao,

thời gian thu hồi vốn nhanh” (Ban chấp hành Trung ương Đảng, 1994).

Tuy vậy, trong quan điểm hỗ trợ DNNVV và việc thực hiện các quan điểm này trên thực tế còn một số hạn chế:

- Trong các quy định chính thức, quan điểm hỗ trợ khẳng định việc bảo đảm bình đẳng giữa các thành phần kinh tế, nhưng trên thực tế, việc triển khai các quan điểm đó ở các địa phương vẫn còn sự phân biệt, đối xử thiếu bình đẳng.

- Chưa xác định rõ đối tượng cần hỗ trợ trong số các DNNVV vì số lượng DNNVV là rất lớn.

- Bước đầu đã chú ý đến hỗ trợ theo ngành nghề và địa phương nhưng vẫn còn thiếu những giải pháp cụ thể.

- Chưa có quan điểm rõ nét về hỗ trợ theo quy mô: giúp các DN yếu vươn lên.

Về chiến lược và quy hoạch phát triển DNNVV, ở Việt Nam, hiện chỉ có chiến lược phát triển kinh tế chung cho toàn bộ nền kinh tế, chưa có quy hoạch và chiến lược tổng thể cho DNNVV. Trong chiến lược chung, việc xác định các ưu tiên (ngành nghề, sản phẩm, địa bàn,...) chưa thực sự dựa trên cơ sở lấy hiệu quả kinh tế và lợi thế so sánh từng vùng làm căn cứ.

### 3.1.5. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hỗ trợ của Chính phủ

Để hỗ trợ các DN có kết quả tốt, nhất thiết phải có một hệ thống cơ chế và mô hình hỗ trợ đồng bộ từ mục tiêu, nội dung, phương pháp, công cụ hỗ trợ. Mô hình hỗ trợ (thành phần, liều lượng các yếu tố, cách thức tác động, trình tự tác động,...) cũng phải phù hợp với từng thời kỳ trong từng trường hợp cụ thể. Chẳng hạn, trong thời kỳ đầu của sự phát triển thì chiến lược là yếu tố rất quan trọng, còn thời kỳ

**Bảng 1: Sự khác biệt giữa cơ chế hỗ trợ và cơ chế bảo hộ**

	Cơ chế hỗ trợ hiện nay	Cơ chế bảo hộ trước đây
Mục tiêu	Khai thác mọi tiềm năng của các thành phần để phát triển KT-XH đất nước.	Phát triển khu vực DNNN quy mô vừa và lớn
Đối tượng	Các DN thuộc tất cả các thành phần kinh tế	Các DNNN và hợp tác xã
Nội dung	Hỗ trợ một số khâu quan trọng mà DN cần	Hỗ trợ mọi mặt từ đầu vào đến đầu ra
Phương pháp	Kết hợp cả phương pháp trực tiếp và gián tiếp, nhưng phương pháp gián tiếp là chủ yếu thông qua môi trường.	Cung cấp các đầu vào một cách trực tiếp, giúp tiêu thụ các sản phẩm đầu ra
Công cụ	Chiến lược, chính sách và bộ máy điều hành	Chủ yếu bằng kế hoạch phân bổ vật tư và sản phẩm

Nguồn: Nguyễn Cúc và cộng sự (1997, tr.87)



phát triển ổn định thì chính sách lại là công cụ rất quan trọng.

Như vậy, sự hỗ trợ của Chính phủ chịu ảnh hưởng của hệ thống cơ chế chính sách và việc xác định mô hình hỗ trợ phù hợp với từng điều kiện hoàn cảnh và tùy từng giai đoạn lịch sử cụ thể.

### **3.2. Bài học kinh nghiệm hỗ trợ phát triển doanh nghiệp của Chính phủ các nước đối với việc hỗ trợ doanh nghiệp ở Việt Nam**

Kinh nghiệm phát triển DN của các nước trên thế giới cho thấy Nhà nước cần phải có chiến lược phát triển chung; tạo ra sự bình đẳng cho các loại hình doanh nghiệp, hỗ trợ đồng thời tăng cường nội lực hiện có của các doanh nghiệp... Có thể rút ra các bài học kinh nghiệm cho Việt Nam qua việc phân tích và tổng hợp kinh nghiệm và chính sách phát triển DN của các nước trên thế giới như sau:

#### **3.2.1. Chiến lược phát triển DN gắn liền với chiến lược phát triển kinh tế xã hội chung**

Kinh nghiệm phát triển DN của Đài Loan cho thấy chính sách phát triển DN có thành công hay không tùy thuộc lớn vào sự phù hợp của nó với chính sách phát triển kinh tế xã hội (KTXH) chung của đất nước. Vì DN xét cho cùng là một bộ phận cấu thành của nền kinh tế, nó không thể tách rời với các bộ phận khác. Sự phát triển DN không thể tách rời với sự phát triển kinh tế xã hội nói chung. Do đó, nếu các mục tiêu chiến lược nhằm phát triển DN đi chệch với các mục tiêu chiến lược phát triển KTXH chung thì sẽ làm cho các nguồn lực của nền kinh tế bị phân tán và không tạo ra tác động cộng hưởng cho tăng trưởng và phát triển kinh tế. Là một nước đang trong giai đoạn chuyển đổi với nguồn lực bị giới hạn và chưa được khai thác tốt thì Việt Nam càng cần thiết phải quán triệt quan điểm này, coi chiến lược phát triển DN như là một bộ phận của chiến lược phát triển kinh tế xã hội.

Việc coi chiến lược phát triển DN là một bộ phận của chiến lược phát triển kinh tế xã hội chung không chỉ dừng lại ở việc thực hiện các mục tiêu mà còn ở việc cùng khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực hiện có của đất nước. Để làm được điều này, ngoài việc phải dành một nguồn lực nhất định cho phát triển DN thì chính phủ cần có các chính sách động viên khuyến khích các nhà đầu tư trong nước bỏ vốn vào kinh doanh và phát huy các thế mạnh hiện có của khu vực kinh tế này. Trong thu hút vốn đầu tư nước ngoài, chính phủ cũng cần có các chính sách thu hút các nhà đầu tư là các DN ở một số nước phát triển như Nhật Bản để các DN Việt Nam có thể học hỏi kinh nghiệm quản lý kinh

doanh. Không những thế, chính phủ cũng cần có các chính sách khuyến khích Việt Kiều đầu tư vào kinh doanh ở Việt Nam hoặc tham gia với tư cách là các đầu mối phân phối sản phẩm của Việt Nam ra nước ngoài. Đây cũng là một trong những kinh nghiệm rất thành công ở nhiều nước trên thế giới, đặc biệt là Ấn Độ.

#### **3.2.2. Giải quyết tốt các mối quan hệ giữa DN vừa và nhỏ với các DN lớn**

Các DN NVV luôn có mối quan hệ hợp tác với các DN lớn chứ không phải là mối quan hệ cạnh tranh chia nhau một nguồn lực giới hạn của nền kinh tế. Có nhiều lĩnh vực DN lớn không thể vươn ra và hoạt động tốt nếu không có các mạng lưới vệ tinh là các DN NVN, đặc biệt là các mảng thị trường ngách trong nền kinh tế. Hiện nay, DN NVV Việt Nam đang tạo ra một lượng việc làm rất lớn trong nền kinh tế trong khi các doanh nghiệp nhà nước (DNN) làm ăn không hiệu quả. Trong quá trình cải cách DNN hiện nay, chính phủ cần xác định rõ mối quan hệ của DN NVV đối với các DN lớn của Chính phủ. Mối quan hệ đó không chỉ đơn thuần là việc để các DN NVV cung cấp đầu vào là nguyên liệu và đào tạo lao động cho DN lớn hoặc là đầu mối để phân phối sản phẩm của các DN lớn mà còn là mối quan hệ trong quá trình đổi mới nền kinh tế, tránh cho các nền kinh tế có những biến động đột biến khi thực hiện cải cách các DNN.

#### **3.2.3. Xác định nhóm ngành ưu tiên phát triển**

Kinh nghiệm phát triển DN của các nước cho thấy cần xác định rõ các nhóm ngành cần ưu tiên phát triển, đặc biệt chú trọng đến các ngành công nghiệp có định hướng xuất khẩu. Hiện nay, chính sách phát triển kinh tế chung của Việt Nam là khuyến khích xuất khẩu. Các ngành nghề truyền thống của Việt Nam đóng góp không nhỏ trong việc tăng giá trị hàng xuất khẩu. Phần lớn các DN sản xuất sản phẩm xuất khẩu trong các làng nghề truyền thống là các DN NVV. Chính vì thế, chiến lược khuyến khích xuất khẩu của Việt Nam không chỉ dành riêng và ưu tiên cho các DNN lớn mà phải có những chính sách khuyến khích công bằng đối với cả các DN NVV làm hàng xuất khẩu.

#### **3.2.4. Bảo đảm sự bình đẳng cho DN**

Các chính sách phát triển DN của một số nước chủ yếu theo tinh thần cải thiện điều kiện hoạt động cho các DN. Là một nước trong giai đoạn chuyển đổi, chúng ta đang tiến hành cải tổ hệ thống chính sách và hệ thống quản lý hành chính. Trong quá trình cải tổ đó, nhiều nơi, nhiều chỗ, chúng ta vẫn thể hiện sự phân biệt đối xử giữa các DN tư nhân và

DNNN đặc biệt là trong việc hoàn thành các thủ tục hành chính. Điều này đã gây ra tâm lý không tốt đối với dân doanh và hạn chế việc khai thác các nguồn lực của đất nước. Vì thế chúng ta cũng cần quan tâm đến việc giảm các thủ tục hành chính công kênh cho các DN. Các quy định về điều tiết kinh doanh của chính phủ phải đảm bảo sự bình đẳng của DNVVN đối với các DN lớn trong nền kinh tế và phải đơn giản, bảo đảm tính dễ thực thi để nâng cao tính hiệu lực của các hệ thống văn bản pháp luật.

### 3.2.5. Tăng cường năng lực nội tại của DN

Các chính sách phát triển DN ở các nước không chỉ tập trung vào việc tạo ra các điều kiện và cơ hội thuận lợi cho DN mà còn tập trung vào việc tăng cường năng lực đổi mới trong nội tại của bản thân DN, giúp các DN phát huy tinh thần DN bằng cách xây dựng văn hóa kinh doanh cho các DN.

Nền kinh tế Việt Nam đang trong giai đoạn chuyển đổi, năng lực nội tại của các DN Việt Nam là rất thiếu, đặc biệt là sự hiểu biết của các chủ DN về nghiệp chủ và kinh doanh trong nền kinh tế thị trường. Để phát huy vai trò của các DN Việt Nam trong nền kinh tế thị trường, chính phủ Việt Nam cần xác định rõ các năng lực nội tại còn thiếu của các DN là gì và có các chính sách hỗ trợ phù hợp. Các bí quyết cơ bản và các quy tắc chung của nền kinh tế thị trường cần phải được khuyến khích giảng dạy trong hệ thống giáo dục chính thống và phi chính thức nhằm bồi dưỡng cho các doanh nhân những hiểu biết về văn hóa DN, văn hóa nghề nghiệp.

Ngoài ra, doanh nhân Việt Nam hiện nay chưa thực sự có sự ủng hộ của dân chúng cũng như các nhân viên của chính phủ. Vì vậy, khi xây dựng một tinh thần DN cho các DN Việt Nam cũng cần tính đến văn hóa truyền thống của người Việt Nam cũng như giúp các doanh nhân khẳng định vai trò và vị thế của họ trong nền kinh tế qua đó giúp cho dân chúng cũng như các nhân viên chính phủ hiểu và thay đổi thái độ đối với các DN.

### 3.2.6. Cơ chế và hệ thống quản lý thống nhất

Các nước có DN phát triển là những nước có được hệ thống cơ chế quản lý thống nhất giữa các ngành và các địa phương. Một số nước có các cơ quan quản lý chuyên trách của chính phủ đối với DN. Các cơ quan này một mặt có nhiệm vụ ban hành các chính sách phát triển DN cho phù hợp với từng thời kỳ của đất nước và phù hợp với chính sách và chiến lược phát triển kinh tế xã hội chung. Các cơ quan này chính là người đại diện về mặt pháp lý bảo vệ quyền lợi của DN. Bên cạnh các cơ quan

quản lý nhà nước đối với DN cần có cơ chế phối hợp với mạng lưới các tổ chức có liên quan để thực sự hỗ trợ cho DN một cách có hiệu quả.

### 3.2.7. Các hình thức hỗ trợ qua vườn ươm doanh nghiệp

Các chính sách hỗ trợ DN của nhiều nước tập trung vào việc mở rộng cơ hội cho DN bằng các hình thức hỗ trợ tài chính và hỗ trợ kỹ thuật. Một trong các hình thức hỗ trợ đem lại nhiều thành công ở một số nước như Đài Loan, Singapore, Trung Quốc... là hình thức sử dụng các Vườn ươm DN.

Danh từ Vườn ươm (hay lồng ấp) DN xuất hiện ở Việt Nam trong những năm gần đây nhưng đã gây được sự chú ý và quan tâm của những người có tâm huyết với việc phát triển DN. Tuy nhiên, việc nên áp dụng loại hình vườn ươm nào vào Việt Nam lại là vấn đề đang còn tranh cãi. Việc lựa chọn hình thức vườn ươm như thế nào cho phù hợp phụ thuộc vào nhiều yếu tố như điều kiện kinh tế văn hóa của đất nước. Sẽ là không hiệu quả nếu áp dụng y nguyên một mẫu hình vườn ươm DN của bất kỳ nước nào vào Việt Nam.

### 3.2.8. Các hình thức hỗ trợ về tài chính khác

Ngoài các hình thức hỗ trợ trực tiếp trên, các nước còn có các hình thức hỗ trợ tài chính như quỹ bảo lãnh tín dụng, quỹ khuyến khích phát triển các ngành nghề truyền thống. Hiện nay ở nhiều nước của Việt Nam đang thực hiện hình thức là quỹ khuyến công, quỹ hỗ trợ tư vấn,... Các hình thức này đều có thể áp dụng vào việc hỗ trợ các DN ở nước ta. Tuy nhiên, do đặc thù của nền kinh tế Việt Nam, các quỹ hỗ trợ này cần phải có một cơ chế hoạt động đảm bảo tính công bằng, khách quan và tránh tình trạng hình thành nên các quỹ này để tăng quyền lực của các cơ quan công quyền ở các bộ ngành... hoặc các cấp địa phương.

Ngoài các quỹ hỗ trợ tài chính này, một số nước cũng thành công trong việc hỗ trợ tài chính thông qua các hình thức thuê mua tài chính. Đây là một hình thức giải quyết vốn dài hạn và trung hạn cho các DN đòi hỏi các cán bộ ngân hàng phải nắm được nhu cầu của DN để có thể mua tài sản phù hợp với nhu cầu DN cần vay vốn. DN sẽ tự nhận tài sản từ ngân hàng thay cho việc nhận vốn. Từ năm 1995, một số DN Việt Nam đã vay của các tổ chức hỗ trợ phát triển của Đài Loan dưới hình thức này. Hình thức này rất phù hợp với các DN không có tài sản thế chấp nhưng lại có các kế hoạch kinh doanh hiệu quả. Đây cũng là hình thức giúp đỡ các DN giảm thiểu rủi ro trong kinh doanh mà nhiều ngân hàng trên thế giới đã làm rất thành công.

#### 4. Kết luận

Hỗ trợ DN là sự giúp đỡ của Nhà nước thông qua các công cụ kinh tế vĩ mô đảm bảo cho các DN, toàn bộ nền kinh tế nói chung phát triển tốt hơn theo mục tiêu kinh tế đã đặt ra. Trong đó, DN thụ hưởng chính sách hỗ trợ của nhà nước không nhất thiết phải là đối tượng đang gặp khó khăn và phương tiện hỗ trợ không chỉ bằng vật chất. Vì vậy, hỗ trợ không có nghĩa là trợ cấp, bảo hộ. Các lĩnh vực mà Nhà nước hỗ trợ các DN có thể là tài chính, KHCN, cung

cấp thông tin, đàm phán mở cửa thị trường với nước ngoài... Mỗi DN, loại hình DN, lĩnh vực kinh doanh... cần có những nội dung, cách thức, lĩnh vực hỗ trợ riêng biệt. Những cơ sở lý luận và bài học kinh nghiệm rút ra được từ việc nghiên cứu về công tác hoạch định, triển khai, quản lý chính sách hỗ trợ DN của các nước trên thế giới nói trên là tiền đề, là cơ sở để có những nghiên cứu về phương pháp, thực trạng và giải pháp hỗ trợ phát triển DN của Chính phủ Việt Nam. □

#### Tài liệu tham khảo;

- Ban chấp hành Trung ương Đảng (1994), *Nghị quyết số 07- NQ/HNTW Hội nghị lần thứ 7 (khóa VII), Phát triển công nghiệp, công nghệ đến năm 2000 theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và xây dựng giai cấp công nhân trong giai đoạn mới.*
- Đỗ Kim Chung (2010), *Bài giảng Phân tích chính sách*, tài liệu chưa xuất bản đã được sự đồng ý của tác giả, Khoa kinh tế&PTNT, Đại học Nông nghiệp Hà Nội.
- Lê Đăng Doanh (2002), *Hình thành đồng bộ hệ thống chính sách kinh tế vĩ mô thúc đẩy CNH, HĐH*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- Nguyễn Cúc, Hồ Văn Vinh, Đặng Ngọc Lợi, Nguyễn Hữu Thắng (1997), *Chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- Phạm Tất Định (2000), 'Thực trạng các Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam', *Kỷ yếu hội thảo chính sách, pháp luật và một số giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngoài quốc doanh*, NXB Giao thông Vận tải, Hà Nội, tr.20-47.

#### Some theoretical issues and lessons to government's enterprise support

##### Abstract:

*This paper presents the nature, model, mechanisms of the government's support policy to the development of enterprises. The paper indicates the differences between subsidies and support. By analyzing international experience, the paper provides lessons on supporting enterprises in Vietnam.*

---

#### Thông tin tác giả:

**\*Trịnh Thị Huyền Thương**, thạc sĩ, NCS trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội

- Nơi công tác: Trường Đại học Tôn Đức Thắng

- Lĩnh vực nghiên cứu chính của tác giả: Các vấn đề kinh tế và xã hội

- Một số tạp chí tiêu biểu mà tác giả đã từng đăng tải công trình nghiên cứu: *Tạp chí Kinh tế và Phát triển, Tạp chí Kinh tế sinh thái*

Email: [trinhhuyluong@gmail.com](mailto:trinhhuyluong@gmail.com)

**\*\*Đỗ Kim Chung**, Giáo sư, tiến sĩ

- Nơi công tác: trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội

- Lĩnh vực nghiên cứu chính của tác giả: Các vấn đề kinh tế và xã hội, nông nghiệp, nông thôn

- Một số tạp chí tiêu biểu mà tác giả đã từng đăng tải công trình nghiên cứu: *Tạp chí Kinh tế và phát triển...*

Email: [dokimchung.hua@gmail.com](mailto:dokimchung.hua@gmail.com)